**ĐÁP ÁN ĐỊA 10 HKI 1920**

**Câu 1:**

**\* Dân số thế giới**

- Năm 2001 là 6.137 triệu người

- Giữa năm 2005 là 6.477 triệu người.

- Quy mô dân số giữa các châu lục và các nước khác nhau (có 11 quốc gia/200 quốc gia với dân số trên 100 triệu người, 17 nước có số dân từ 0,01- 0,1 triệu người).

- Quy mô dân số thế giới ngày càng lớn.

**\* Gia tăng tự nhiên**

a. Tỉ suất sinh thô: Tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm (đơn vị: ‰) .

          

- Nguyên nhân: + sinh học, tự nhiên,

 + tâm lí xã hội, hoàn cảnh kinh tế, chính sách phát triển dân số.

b.Tỉ suất tử thô: Tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình cùng thời điểm (đơn vị:‰).

         

- Nguyên nhân: + Do đặc điểm kinh tế - xã hội, chiến tranh,

 + thiên tai,dịch bệnh,...

**Câu 2** :

**\* cơ cấu dân số, gồm**:

+ cơ cấu sinh học: cơ cấu dân số theo giới, cơ cấu dân số theo độ tuổi

+ cơ cấu xã hội: cơ cấu dân số theo lao động, cơ cấu dân số theo trình độ lao động

**\* Cơ cấu dân số theo giới (đơn vị%)**

- Khái niệm biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.
Được biểu thị bằng hai công thức sau:

                    

Trong đó:          TNN: Tỉ số giới tính.

                           Dnam: Dân số nam.

                           Dnữ: Dân số nữ.

Hoặc:

                      

Trong đó:          Tnam: Tỉ lệ nam giới.

                          Dnam: Dân số nam.

                          Dtb: Tổng số dân.

- Nguyên nhân: Trình độ phát triển kinh tế, chuyển cư, tuổi thọ trung bình nữ lớn hơn nam.

**Cơ cấu dân số theo độ tuổi (đơn vị %)**

- Khái niệm: Là tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

- Ý nghĩa: Quan trọng vì thể hiện tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển của dân số và nguồn lao động của một nước.

- Có ba nhóm tuổi trên thế giới:

           + Nhóm dưới tuổi lao động: 0 - 14 tuổi.

           + Nhóm tuổi lao động:15 -59 (đến 64 tuổi).

           + Nhóm trên tuổi lao động:Trên 60 (hoặc 65) tuổi.

 - Dân số trẻ: Độ tuổi 0 - 14 trên 35%. Tuổi 60 trở lên dưới 10%.

            + Thuận lợi: Lao động dồi dào.

            + Khó khăn: Sức ép dân số lớn.

- Dân số già: Độ tuổi 0 - 14 dưới 25%. Tuổi 60 trở lên trên 15%.

            + Thuận lợi: Có nhiều kinh nghiệm, chất lượng cuộc sống cao

            + Khó khăn: Thiếu nhân lực, phúc lợi lớn dành cho người già.

**Câu 3: (2đ)**

**Các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư**

- Điều kiện tự nhiên: Khí hậu, nước, địa hình , đất, khoáng sản,..thuận lợi thu hút cư trú.
- Điều kiện kinh tế - xã hội: Phương thức sản xuất (tính chất nền kinh tế), trình độ phát triển kinh tế,... quyết định đến cư trú.

- Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, cư trú đông, chuyển cư, ...

**Ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường**

- Tích cực:

+ Thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

+ thay đổi sự phân bố dân cư, thay đổi các quá trình sinh, tử và hôn nhân ở các đô thị.

- Tiêu cực: Nếu không xuất phát từ công nghiệp hóa (tự phát):

       + Nông thôn: mất đi một phần nhân lực (đất không ai sản xuất)

       + Thành phố: thất nghiệp, thiếu việc làm, nghèo nàn, ô nhiễm môi trường dẫn đến nhiều tiêu cực khác.

**Câu 4: (2đ)**

+ sai tỉ lệ ở 1 vòng tròn trừ 0,5đ

+ không tên biểu đồ trừ 0,5đ

+ không số liệu, sai số liệu trừ 0,5đ

+ không chú giải, chú giải giống nhau trừ 0,5đ